

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN G**

Bản án số: 67/2023/DS-ST.

Ngày: 14/7/2023.

V/v: “T/c nợ hụi”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ – TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn D

2. Bà Phạm Hồng G1

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thành N** – Thư ký TAND huyện Hòn Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Đức M** – kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ về việc: “*Tranh chấp nợ hụi*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu phố Chòm Sao, thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

* Bị đơn: Ông **Lê Ngọc P**, sinh năm 1984 và bà **Lê Thị N**, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: khu phố Chòm Sao, thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

(Bà H có mặt, ông P và bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày như sau:*

Bà Trần Thị H với vợ chồng ông Lê Ngọc P, bà Lê Thị N là chỗ quen biết nên phía bà H có chơi hội do vợ chồng ông P và bà N làm chủ. Tổng cộng phía bà H có tham gia chơi 02 chân hội tháng, hội 2.000.000 đồng/tháng. Hội đến tháng 6 năm 2022 thì kết thúc hội phía bà H sẽ được hốt số tiền là 119.600.000 đồng, tuy nhiên phía bà Nguyễn không giao số tiền hốt này cho phía bà H. Phía bà H có đến nhà bà N để yêu cầu lấy số tiền hội mà bà H hốt được thì phía bà N và ông P không đưa tiền mà viết tờ biên nhận nợ thừa nhận còn nợ bà H số tiền hội là 119.600.000 đồng và hẹn đến tháng 6 năm 2022 sẽ trả cho bà H số tiền này. Tuy nhiên từ đó đến nay phía bà N và ông P cứ hứa hẹn, không trả số tiền này cho bà H.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị H yêu cầu ông Lê Ngọc P và bà Lê Thị N phải trả cho bà H số tiền hội còn nợ là 119.600.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà H không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn ông Lê Ngọc P và bà Lê Thị N:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Lê Ngọc P và bà Lê Thị Nguyễn. Tuy nhiên ông P và bà N không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông P và bà N trong hồ sơ vụ án.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS P biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ

chồng ông Lê Ngọc P và bà Lê Thị N phải trả cho bà Trần Thị H số tiền hui còn nợ là 119.600.000 đồng. Đồng thời buộc ông P và bà N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện thì đây là tranh chấp nợ hui giữa nguyên đơn bà Trần Thị H với bị đơn ông Lê Ngọc P, bà Lê Thị N; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Ngọc P, bà Lê Thị N được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau: Trước đây vào năm 2020 bà Trần Thị H có tham gia 02 dây hui do vợ chồng ông Lê Ngọc P và bà Lê Thị N làm chủ gồm:

- Dây hui tháng mở ngày 10/02/2020 âm lịch, mỗi đầu 2.000.000 đồng/tháng, bà H tham gia 01 đầu, hui 2.000.000 đồng ra 2.600.000 đồng. Dây hui này phía bà H đóng đến tháng 02 năm 2022 thì phía bà N tuyên bố bế hui.

- Dây hui tháng mở ngày 18/4/2020 âm lịch, mỗi đầu 2.000.000 đồng/tháng, bà H tham gia 01 đầu, hui 2.000.000 đồng ra 2.600.000 đồng. Dây hui này phía bà H đóng đến tháng 01 năm 2022 thì phía bà N tuyên bố bế hui.

Hai chân hui này phía bà H đã đóng được tổng cộng số tiền là 119.600.000 đồng. Tuy nhiên phía bà N và ông P không giao tiền hui hót được cho bà H mà bà N viết tờ biên nhận tiền hui đề ngày 19/5/2022 cam kết đến cuối tháng 6 năm 2022 sẽ trả cho bà H đủ số tiền là 119.600.000 đồng. Từ đó đến nay phía bà N, ông P cứ hứa hẹn nhưng không thanh toán số tiền nợ hui còn nợ cho phía bà H nên từ đó các bên P sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị H yêu cầu ông Lê Ngọc P và bà Lê Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ hui còn nợ là 119.600.000 đồng, phía bà H không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường quy định về nghĩa vụ của chủ họ như sau:

“1. Thông báo cho các thành viên về nơi cư trú mới trong trường hợp có sự thay đổi.

2. Thông báo đầy đủ về số lượng dây họ; phần họ, kỳ mở họ; số lượng thành viên của từng dây họ mà mình đang làm chủ họ cho người muốn gia nhập dây họ.

3. Giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ...”.

Đồng thời tại Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường quy định về trách nhiệm của chủ họ do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ như sau:

“Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ thì chủ họ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau:

1. Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này.

2. Trả lãi đối với số tiền chậm giao cho thành viên được lĩnh họ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này.

3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

4. Bồi thường thiệt hại (nếu có).”.

Như vậy theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có thể khẳng định phía bà H đã đóng tiền hui đầy đủ cho phía chủ hui là bà N tuy nhiên phía bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của người làm chủ hui. Do đó việc bà Trần Thị H yêu cầu phía bà Lê Thị N và ông Lê Ngọc P phải trả số tiền hui chưa thanh toán cho bà H là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Mặt khác tại biên bản về việc đương sự từ chối cho Tòa án tiến hành ghi lời khai tuy nhiên phía bà Lê Thị N đã thừa nhận có ký tên vào Tờ biên nhận tiền hội đề ngày 19/5/2022 thừa nhận còn nợ tiền hội của bà H số tiền là 119.600.000 đồng (BL số 17).

Như vậy, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả tranh tụng tại tòa án đều thể hiện phía vợ chồng ông P và bà N còn nợ bà H tổng số tiền hội là 119.600.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Ý kiến P biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

[4] *Về án phí DSST* : Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông Lê Ngọc P và bà Lê Thị N phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H. Buộc ông Lê Ngọc P và bà Lê Thị N phải trả cho bà Trần Thị H số tiền hụi còn nợ là 119.600.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất P sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST: Ông Lê Ngọc P và bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.980.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.435.000 đồng theo biên lai thu số 0004466 ngày 13/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn A